

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
MÔN: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ (ĐỢT 3)
(Ngày thi: 10/01/2017)

TT	MSSV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	141071812	Phạm Đăng Trí	Bảo	28/10/1996	Nam	8.5	Tám năm	L1
2	22257362	Lê Xuân	Bính	12/09/1969	Nam	Miễn	Miễn	L1
3	141070565	Phạm Văn	Bình	19/05/1996	Nam	8.0	Tám	L1
4	141070615	Đoàn Minh	Châu	12/06/1964	Nam	7.0	Bảy	L1
5	141020979	Mạc Văn	Đăng	31/03/1965	Nam	7.0	Bảy	L1
6	131052001	Vũ Thị Kim	Dung	26/01/1994	Nữ	8.5	Tám năm	L1
7	141070623	Phạm Văn	Đường	08/01/1986	Nam	8.5	Tám năm	L1
8	121022235	Phạm Thị Mỹ	Duyên	21/09/1997	Nữ	0.0	Không	L1
9	141071813	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	20/08/1995	Nữ	7.5	Bảy năm	L1
10	141070958	Đỗ Hữu Trung	Hiếu	14/11/1994	Nam	7.5	Bảy năm	L1
11	141050165	Đào Huy	Hiệu	01/09/1991	Nam	8.0	Tám	L1
12	25499682	Nguyễn Thị Kim	Hoa	23/05/1996	Nữ	5.5	Năm năm	L1
13	141060310	Trần Thị	Hoài	22/04/1983	Nữ	5.0	Năm	L1
14	025660826	Hoàng Thị	Huyền	16/06/1990	Nữ	Miễn	Miễn	L1
15	141071522	Triệu Ngọc	Khánh	05/05/1992	Nam	6.5	Sáu năm	L1
16	142077736	Đỗ Văn Anh	Kiệt	10/06/1973	Nam	7.0	Bảy	L1
17	273560609	Nguyễn Đức Hàn	Lợi	01/12/1995	Nam	7.5	Bảy năm	L1
18	131070947	Trần Hoài	Nam	24/01/1998	Nam	6.0	Sáu	L1
19	141070639	Lý Thị	Nga	22/01/1973	Nữ	7.5	Bảy năm	L1
20	141071129	Nguyễn Thị	Ngân	06/07/1996	Nữ	3.5	Ba năm	L1
21	141070721	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	28/11/1985	Nữ	8.0	Tám	L1
22	141071814	Cao Văn	Nghĩa	26/07/1994	Nam	0.0	Không	L1
23	131051541	Nguyễn An	Nhân	13/08/1985	Nam	0.0	Không	L1
24	142078031	Nguyễn Văn	Phát	05/02/1976	Nam	9.0	Chín	L1
25	141070266	Huỳnh Thanh	Phong	08/10/1992	Nam	9.5	Chín năm	L1
26	131072533	Ngô Minh Bá	Phước	04/03/1973	Nam	Miễn	Miễn	L1
27	141181613	Mai Thu	Phương	11/11/1996	Nữ	6.5	Sáu năm	TL
28	141070847	Đặng Thanh	Sơn	27/10/1977	Nam	Miễn	Miễn	L1
29	141061134	Nguyễn Vũ Ngọc	Thảo	24/09/1993	Nữ	5.0	Năm	L1
30	141070281	Nguyễn Đức	Thiên	06/06/1982	Nam	Miễn	Miễn	L1
31	141070745	Phạm Thị Thiên	Thương	12/09/1994	Nữ	6.0	Sáu	L1
32	131071163	Nguyễn Hoàng Mộng	Thùy	26/08/1987	Nữ	5.0	Năm	TL
33	131051943	Lê Văn	Toàn	10/04/1988	Nam	0.0	Không	L1
34	131181958	Lê Thị	Trinh	10/07/1994	Nữ	2.0	Hai	TL

TT	MSSV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
35	141051800	Lê Thị Cẩm	Tú	20/10/1993	Nữ	0.0	Không	L1
36	141070298	Nguyễn Văn	Tùng	22/12/1983	Nam	Miễn	Miễn	L1
37	141070605	Lê Chí	Tuyền	07/08/1996	Nam	8.0	Tám	L1
38	251225783	Nguyễn Thanh	Tuyền	17/08/1991	Nữ	Miễn	Miễn	L1
39	131180690	Đinh Thị Tường	Vi	08/07/1989	Nữ	7.5	Bảy năm	L1
40	141070217	Võ Ngọc Như	Ý	04/04/1994	Nữ	8.0	Tám	L1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2017

CT. HỘI ĐỒNG THI
(Đã ký)

TRƯỞNG BAN CHẤM THI
(Đã ký)

KIỂM TRA
(Đã ký)

ThS. NGUYỄN ĐÌNH MẠNH

ThS. LÊ LỘC ĐÀI TRUNG

LÊ ĐỨC ANH